

Số: 341 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tại Tờ trình số 06/TTr-SVHTT ngày 20 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 100 thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (theo Phụ lục đính kèm).

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Giao Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Danh mục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, địa chỉ: www.baria-vungtau.gov.vn và <http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn>

Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

2. Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Quyết định số 4075/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan căn cứ các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, NC7.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA

| STT | Mã số hồ sơ thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|--------------------------------|--------------------------------|--|---|--|--|------------------------------------|--|---|
| Lĩnh vực di sản văn hóa | | | | | | | | |
| 1 | 2.001631 | Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Chưa ban hành văn bản phí, lệ phí. | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, |

| | | | | | | | | |
|---|----------|---------|--|-----------|------------|--------|---|----------------------------|
| | | | <p>thao cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.</p> <p>(Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ).</p> | | | | <p>Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2004.</p> <p>- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.</p> | <p>Thể thao và Du lịch</p> |
| 2 | 1.003838 | Thủ tục | - Thời gian tiếp | Trung tâm | Hồ sơ được | Không. | - Luật Di sản văn hóa | Những nội dung |

| | | | | | | | | |
|--|--|---|--|---|---|--|---|---|
| | | <p>cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương</p> | <p>nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.</p> <p>(Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn).</p> | <p>Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtao.gov.vn. | | <p>số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến | <p>còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---|--|---|---|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|--|--|--|--------|--|---|
| | | | | | | | thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012. | |
| 3 | 2.001613 | Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>(Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010; | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|---|----------|---|---|--|--|--------|--|---|
| | | | | | | | - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012. | |
| 4 | 1.003793 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian giải quyết là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. (Thời gian</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của |

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|---|--|--|--------|---|---|
| | | | <p>giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 10 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 05 ngày làm việc.</p> | | | | <p>một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.</p> | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 5 | 2.001591 | Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ,</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực | Không. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng |

| | | | | | |
|--|--|---|--|---|--|
| | | <p>tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian giải quyết là 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 1,5 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 1,5 ngày làm việc.</p> | <p>tuyên theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | <p>Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.</p> <p>- Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30</p> | <p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich</p> |
|--|--|---|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|---|--|--|--------|---|---|
| | | | | | | | tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 01 năm 2009. | |
| 6 | 1.003738 | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xét cấp chứng chỉ. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản. (Thời gian giải</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | <p>- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | <p>quyết sau khi cắt giảm 50% là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).</p> | | | <p>lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012. - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ VHTT hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2004; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh | |
|--|--|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|--|--|--|-------|---|---|
| | | | | | | | doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018. | |
| 7 | 1.003646 | Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 50 ngày làm việc. Trong đó:</p> <p>+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|
| | | <p>trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn</p> | | | | <p>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.</p> | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|
| | | <p>hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và</p> | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|--|---|--|--------------|--|--|
| | | | <p>Hồ sơ hiện vật.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.</p> | | | | | |
| 8 | 1.003835 | <p>Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 50 ngày làm việc.</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>Không</p> | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc</p> |

| | | | | | | | | |
|--|--|----------|---|--|--|--|--|--|
| | | hiện vật | <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. + Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và | | | | <p>định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;</p> <p>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.</p> | <p>phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|----------|---|--|--|--|--|--|

các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa

| | | | | | | | | |
|---|----------|---|--|--|---|-------|--|---|
| | | | <p>báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.</p> | | | | | |
| 9 | 1.001106 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút;</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường | Không | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL |

| | | | | | | | | |
|--|--|-------------------------|--|--|---|--|---|--|
| | | <p>giám định cổ vật</p> | <p>chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>(Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định).</p> | | <p>bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | | <p>Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10</p> | <p>ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|-------------------------|--|--|---|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|--|--------|---|---|
| | | | | | | | năm 2018. | |
| 10 | 1.001123 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|--------|---|---|
| 11 | 1.001822 | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 12 | 1.002003 | Thủ tục cấp lại chứng | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ</p> | Trung tâm Phục vụ hành | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức</p> | Không. | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được |

| | | | | | | | | |
|--|--|------------------------------------|--|----------------------------|--|--|--|---|
| | | <p>chỉ hành nghề tu bổ di tích</p> | <p>hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và</p> | <p>chính công của tỉnh</p> | <p>sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | | <p>Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. | <p>thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|------------------------------------|--|----------------------------|--|--|--|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|---|--------|--|--|
| | | | <p>nêu rõ lý do.</p> <p>(Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày).</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.</p> | | | | | |
| 13 | 1.003901 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Trong thời hạn 05</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.v | Không. | <p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa |

| | | | | | | |
|--|--|--|----|--|---|---|
| | | <p>ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc).</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý</p> | n. | | <p>01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018.</p> | <p>năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|----|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|--------|--|---|
| | | | do. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày làm việc). | | | | | |
| 14 | 2.001641 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. - Nghị định số | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | <p>hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc).</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.</p> | | | | 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018. | |
|--|--|--|--|--|--|--|---|--|

Lĩnh vực Điện ảnh

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|---|--|--|---|
| 15 | 1.003035 | Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút;</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường | 1.Phim thương mại: a.Phim truyện: a1.Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): | - Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007. - Luật sửa đổi, bổ sung | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL |
|----|----------|--|--|--|---|--|--|---|

| | | | | | | | |
|--|---|--|--|---|---|--|--|
| | <p>tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;</p> <p>- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:</p> <p>+ Sản</p> | <p>chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt (thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt).</p> | | <p>bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p> | <p>3.600.000</p> <p>a2. Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập</p> <p>a3.Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>b.Phim ngắn:</p> <p>b1.Độ dài đến 60 phút: 2.200.000</p> <p>b2.Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</p> <p>2.Phim phi thương mại:</p> <p>a.Phim truyện:</p> <p>a1.Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000</p> <p>a2.Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5</p> | <p>một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 07 tháng 7 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10</p> | <p>ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|---|--|--|---|---|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|---|---|---|--|--|
| | | <p>suất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;</p> <p>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)</p> | | | | <p>tập</p> <p>a3.Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>b.Phim ngắn:</p> <p>b1.Độ dài đến 60 phút: 1.600.000</p> <p>b2.Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</p> | <p>năm 2011.</p> <p>- Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008 về Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.</p> <p>- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> | |
| 16 | 1.003017 | <p>Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ,</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống | <p>1.Phim thương mại:</p> <p>a.Phim truyện:</p> <p>a1.Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000</p> <p>a2. Độ dài từ</p> | <p>- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng</p> |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|---|---|--|--|
| | | <p>xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)</p> | <p>tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt (thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt).</p> | <p>đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | <p>101 -150 phút tính thành 1,5 tập</p> <p>a3.Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>b.Phim ngắn:</p> <p>b1.Độ dài đến 60 phút: 2.200.000</p> <p>b2.Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</p> <p>2.Phim phi thương mại:</p> <p>a.Phim truyện:</p> <p>a1.Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000</p> <p>a2.Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</p> <p>a3.Độ dài từ 151 - 200 phút</p> | <p>18 ngày 6 tháng 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 07 tháng 7 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2014.</p> <p>- Thông tư số</p> | <p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|---|---|---|--|--|

| | | | | | | | | |
|--|----------|---|---|--|---|--|---|---|
| | | | | | | tính thành 02 tập b.Phim ngắn: b1.Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 b2.Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện | 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. | |
| Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm | | | | | | | | |
| 17 | 1.001833 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thảm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|--|-------|--|---|
| | | | quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ). | | | | của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018. | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 18 | 1.001809 | Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | Không | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|---|--|--------------|--|--|
| | | | <p>hóa và Thể thao là 02 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 1,5 ngày làm việc.</p> | | | | | |
| 19 | 1.001778 | <p>Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>Không</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018. | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|-------|--|--|
| | | | | | | | | |
| 20 | 1.001755 | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Thời hạn cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của sở Văn hóa và Thể thao là 02 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không | <p>- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.</p> <p>- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|---|---|--------------|--|---|
| | | | <p>quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 1,5 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, thời hạn cấp giấy phép không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> | | | | | |
| 21 | 1.001738 | <p>Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điều khác (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời hạn</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar | <p>Không</p> | <p>Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|---|--|-------|---|---|
| | | | <p>cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của sở Văn hóa và Thể thao là 02 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 1,5 ngày làm việc.</p> | | ia- vungtau.gov.vn. | | | <p>chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
| 22 | 1.001704 | <p>Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: | Không | <p>Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|--|-------|---|--|
| | | ban nhân dân cấp tỉnh) | <p>quyết: Thời hạn cấp giấy phép 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của sở Văn hóa và Thể thao là 02 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 1,5 ngày làm việc.</p> | | dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n. | | | <p>lich về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
| 23 | 1.001671 | Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ,</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực | Không | <p>Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động Nhiếp ảnh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|---|-----------------|--|---|
| | | (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | tết. - Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc). Trong đó: +Thời gian giải quyết của sở Văn hóa và Thể thao là 02 ngày làm việc. +Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 1,5 ngày làm việc. | | tuyên theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n. | | | Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 24 | 1.001229 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức cá nhân tại địa | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống | Không quy định. | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|--|--|
| | | <p>phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại</p> | <p>phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm (thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là</p> | | <p>đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | | | <p>của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|--|---|--|--|--|

| | | | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|
| | | <p>1,5 ngày làm việc).</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;(thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc).</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa và thể thao; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn</p> | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|-----------------|--|---|
| | | | hóa và Thể thao có văn bản trả lời.(Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 07 ngày làm việc). | | | | | |
| 25 | 1.001211 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định. | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; (thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 1,5 ngày làm việc).

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; (thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|---|-----------------|--|---|
| | | | <p>ngày làm việc).</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc).</p> | | | | | |
| 26 | 1.001191 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút;</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường | Không quy định. | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL |

| | | | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|-------|--|
| | | <p>nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại</p> | <p>chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; (Thời</p> | <p>bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | | 2019. | <p>ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---|---|---|--|-------|--|

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>gian giải quyết cắt giảm 50% là 1,5 ngày làm việc).</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.(Thời gian giải quyết cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc).</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa và thể thao ; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ</p> | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|----------------|---|---|
| | | | sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc). | | | | | |
| 27 | 1.001182 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định | Nghi định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019 | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

dụng triển lãm. Cán nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; (thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 1,5 ngày làm việc).

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; (thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|----------------|---|--|
| | | | <p>3,5 ngày làm việc).</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa và thể thao; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.(thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc).</p> | | | | | |
| 28 | 1.001147 | Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; | Không quy định | <p>Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng</p> |

| | | | | | | |
|--|---|--|--|--|--|--|
| | <p>hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại</p> | <p>phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa và Thể thao không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo; (thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc).</p> <p>Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa và thể thao; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong</p> | <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | | | <p>12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|---|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|--|--|--|
| | | | <p>thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa và Thể thao không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo;</p> <p>(thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc).</p> | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|--|--|--|

Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|---|---|--|--|---|
| 29 | 1.009397 | <p>Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: thời gian</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar | <p>Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đến 50 phút: 1.500.000 đồng 2. Từ 51 đến 100 phút: 2.000.000 đồng 3. Từ 101 đến 150 phút: | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành</p> |
|----|----------|--|---|---|---|--|--|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|---|--|---|---|
| | | khô hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) | giải quyết sau khi đã cắt giảm 50% là 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: + Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao: 02 ngày làm việc. + Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh: 02 ngày làm việc. | | ia- vungtau.gov.vn. | 3.000.000 đồng 4. Từ 151 đến 200 phút: 3.500.000 đồng 5. Từ 201 phút trở lên: 5.000.000 đồng | mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. | chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 30 | 1.009398 | Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; | Không | - Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|---------------------------------------|---|-------|---|---|
| | | thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) | phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ), trong đó: + Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 04 ngày làm việc. + Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 3,5 ngày làm việc. | | - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n. | | tháng 02 năm 2021. | 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 31 | 1.009399 | Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ | Trung tâm Phục vụ hành chính công của | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | Không | - Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số |

| | | | | | | | | |
|----|----------|------------------------------------|---|------------------------------|---|-------|--|---|
| | | người mẫu | <p>07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ), trong đó:</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 04 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 3,5 ngày làm việc.</p> | tỉnh | <p>- Nộp trực tiếp;</p> <p>- Qua đường bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | | <p>nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.</p> | <p>3506/QĐ- BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich</p> |
| 32 | 1.009403 | Thủ tục ra nước ngoài dự thi người | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính | Hồ sơ được nộp theo các phương thức | Không | <p>- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo |

| | | | | | | | | |
|-------------------------------|----------|---|--|--|---|-----------------|--|---|
| | | đẹp, người mẫu | hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). | công của tỉnh | sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | | định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021. | Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| Lĩnh vực Văn hóa cơ sở | | | | | | | | |
| 33 | 1.003676 | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; | Không quy định. | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|---|-----------------|---|--|
| | | | <p>phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định).</p> | | <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | | 10 năm 2018. | <p>12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
| 34 | 1.003654 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa | Không quy định. | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|---|---|--|---|--|
| | | | <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được văn bản thông báo).</p> | | <p>chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | | | <p>Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
| 35 | 1.001029 | <p>Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống | <p>- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000</p> | <p>- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|---|--|--|--|--|
| | | | phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | | đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n. | đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. - Tại khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy. | - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021. | của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lich |
| 36 | 1.001008 | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ | Trung tâm Phục vụ hành chính công của | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|---|--|---|---|
| | | doanh dịch vụ vũ trường | 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | tỉnh | - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy. | dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021. | 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 37 | 1.000963 | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, |

| | | | | | | | |
|--|--|------------------|---|---|---|---|--|
| | | karaoke cấp tỉnh | <p>tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> | <p>tuyên theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p> | <p>ngihtăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.</p> <p>- Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.</p> <p>- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh</p> | <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021.</p> | <p>Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|------------------|---|---|---|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|---|--|---|---|
| | | | | | | doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy. | | |
| 38 | 1.000922 | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.</p> | <p>Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021.</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | | |
| 39 | 1.004659 | Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày làm việc). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 2,5 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định | Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2014. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|---|--------|---|---|
| | | | quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc. | | | | | |
| 40 | 1.004650 | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 29, Điều 30 của Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. - Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|--------|---|---|
| | | | | | | | 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014. | |
| 41 | 1.004645 | Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|---------------------------|---|--|
| 42 | 1.004639 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của sở Văn hóa và Thể thao là 2,5 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | 3.000.000 đồng/Giấy phép. | <p>- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.</p> <p>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|----|----------|---|--|--|--|---------------------------|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|---------------------------|--|--|
| | | | | | | | hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. | |
| 43 | 1.004666 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.(Thời | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.v | 1.500.000 đồng/Giấy phép. | - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. - Thông tư số | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa |

| | | | | | | | |
|--|--|--------------------|---|----|--|---|---|
| | | ngoài tại Việt Nam | <p>gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của sở Văn hóa và Thể thao là 2,5 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc.</p> | n. | | <p>10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.</p> <p>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Thông tư số</p> | <p>năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--------------------|---|----|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|---------------------------|--|--|
| | | | | | | | 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2019. | |
| 44 | 1.004662 | Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: | 1.500.000 đồng/Giấy phép. | - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du |

| | | | | | | | |
|--|--|--------------------|--|--|--|---|---|
| | | ngoài tại Việt Nam | <p>- Thời gian giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của sở Văn hóa và Thể thao là 2,5 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc.</p> | | <p>dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | <p>quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.</p> <p>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.</p> <p>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt</p> | <p>lich về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--------------------|--|--|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|--|--|--|--------|--|---|
| | | | | | | | Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. | |
| Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa | | | | | | | | |
| 45 | 1.003784 | Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày làm việc). | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012. - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|-------------------------------------|---|--|---|--------|--|--|
| | | | <p>- Trường hợp phải giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 (mười hai) ngày làm việc.(Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là không quá 06 ngày làm việc).</p> | | | | <p>tháng 9 năm 2012.</p> <p>- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.</p> | |
| 46 | 1.003743 | Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường | Không. | <p>- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ- |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|---|--|---|--|
| | | <p>khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương</p> | <p>12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày làm việc).</p> <p>- Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc).</p> | | <p>bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | | <p>không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.</p> <p>- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.</p> <p>- Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-</p> | <p>BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|---|--|---|--|---|--|

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | <p>BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.</p> <p>- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.</p> | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|---|--|---|--|--|
| 47 | 2.001496 | <p>Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc)</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015. - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Thông tư số 26/2018/TT- | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|----|----------|--|--|---|--|---|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|---|---|--|
| | | | <p>từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc).</p> <p>Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> | | | <p>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/ lần thẩm định.</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> | <p>BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018.</p> | |
| 48 | 1.003608 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ,</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực | <p>1.Phim thương mại:</p> <p>a.Phim truyện:</p> <p>a1.Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000</p> <p>a2. Độ dài từ 101 -150 phút</p> | <p>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng</p> |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|---|---|--|
| | | <p>tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc)</p> <p>- Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 22,5 ngày làm</p> | <p>tuyên theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | <p>tính thành 1,5 tập</p> <p>a3.Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>b.Phim ngắn:</p> <p>b1.Độ dài đến 60 phút: 2.200.000</p> <p>b2.Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</p> <p>2.Phim phi thương mại:</p> <p>a.Phim truyện:</p> <p>a1.Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000</p> <p>a2.Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</p> <p>a3.Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02</p> | <p>diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.</p> <p>- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Điện ảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du</p> | <p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|---|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|---|--|--|--|
| | | | việc). Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | | | tập b.Phim ngắn: b1.Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 b2.Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện | lich quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018. | |
| 49 | 1.003560 | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau: 1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi | - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du |

| | | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|-------------|
| | | <p>thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc).</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày làm việc).</p> | | <p>trên băng đĩa:</p> <p>- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và</p> | <p>Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và</p> | <p>lich</p> |
|--|--|---|--|--|--|-------------|

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|---|--|
| | | | | | <p>các vật liệu khác:</p> <p>- Đối với bản ghi âm:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>- Đối với bản ghi hình:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản</p> | <p>Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018.</p> | |
|--|--|--|--|--|---|---|--|

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | | | <p>nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí</p> | |
|--|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | thẩm định đã nộp. | | |
|--------------------------|----------|---|--|--|--|-------------------|---|---|
| Lĩnh vực Thư viện | | | | | | | | |
| 50 | 1.008895 | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 05 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định. | <p>- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|-----------------|--|---|
| | | | +Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc. | | | | | |
| 51 | 1.008896 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 05 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | Không quy định. | <p>- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.</p> <p>- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|-----------------|--|---|
| | | Việt Nam | +Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc. | | | | | |
| 52 | 1.008897 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 05 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | Không quy định. | <p>- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.</p> <p>- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|--------------------------|----------|--|---|--|--|----------------|--|---|
| | | Nam | +Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc. | | | | | |
| Lĩnh vực Gia đình | | | | | | | | |
| 53 | 1.005441 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | Không quy định | <p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|---|
| | | <p>hóa và Thể thao là: 7,5 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 7,5 ngày làm việc.</p> | | | | <p>hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết</p> |
|--|--|--|--|--|--|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 54 | 1.001420 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: Thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.v | Không quy định | - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc |

| | | | | | | | | |
|--|--|------------------------|---|--|----|--|--|--|
| | | ban nhân dân cấp tỉnh) | <p>nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là: 04 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 3,5 ngày làm việc.</p> | | n. | | <p>ng nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn</p> | <p>phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|------------------------|---|--|----|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|----------------|--|---|
| | | | | | | | phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 55 | 1.001407 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian thực hiện là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là: 05 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | Không quy định | <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|--|---|--|
| | | | <p>+ Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 05 ngày làm việc.</p> | | | | <p>tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc,</p> | |
|--|--|--|---|--|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|----------------|--|---|
| | | | | | | | tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 56 | 2.001414 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là:</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | Không quy định | <p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | <p>7,5 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 7,5 ngày làm việc.</p> | | | <p>lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký</p> | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|---|--|-----------------------|---|---|
| | | | | | | | <p>hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.</p> | |
| 57 | 1.000919 | <p>Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>Không quy định</p> | <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức</p> |

| | | | | | | | | |
|--|--|------------------------|---|--|--|--|---|---|
| | | ban nhân dân cấp tỉnh) | <p>lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là: 04 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 3,5 ngày làm việc.</p> | | | | <p>vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực</p> | <p>năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|------------------------|---|--|--|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 58 | 1.000817 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian thực hiện là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+ Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là: 05 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian giải</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định | <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|--|--|
| | | | quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 05 ngày làm việc. | | | <p>ng nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn</p> | |
|--|--|--|---|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|----------------|--|---|
| | | | | | | | phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 59 | 1.000454 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định | <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010. | |
| 60 | 1.000433 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010. | |
| 61 | 1.000379 | Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | <p>tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn</p> | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|---|----------------|--|--|
| | | | | | | | hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 62 | 1.000104 | Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar | Không quy định | <p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|------------------------|--|--|
| | | | làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc). | | ia- vungtau.gov.vn. | <p>dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22</p> | chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|--|--|--|---|--|------------------------|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|----------------------------------|--|---------------------------------------|--|----------------|--|---|
| | | | | | | | tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 63 | 2.000022 | Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ | Trung tâm Phục vụ hành chính công của | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | Không quy định | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số |

| | | | | | | | | |
|--|--|-------------------------------|---|------|--|--|---|---|
| | | phòng, chống bạo lực gia đình | 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc). | tỉnh | - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n. | | 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư | 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|--|--|-------------------------------|---|------|--|--|---|---|

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | | | | <p>vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực</p> | |
|--|--|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 64 | 1.003310 | Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | <p>hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo</p> | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|--|--|--|--------|--|--|
| | | | | | | | lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| Lĩnh vực Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ | | | | | | | | |
| 65 | 1.004723 | Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không. | - Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức |

| | | | | | | | | |
|--|--|-------------------------|--|--|--|--|--|--|
| | | được sử dụng làm đạo cụ | giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc). | | | | <p>- Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2012.</p> <p>- Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ</p> | năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|--|--|-------------------------|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----------------------------------|----------|--|---|--|--|---|--|---|
| | | | | | | | Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2015. | |
| Lĩnh vực thể dục thể thao | | | | | | | | |
| 66 | 1.002445 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, |

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|---|---|--|
| | | | 3,5 ngày làm việc). | | | <p>hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | Thể thao và Du lịch |
| 67 | 1.002396 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ- |

| | | | | | | | | |
|--|--|---------------------------------|---|--|---|--|--|--|
| | | <p>doanh hoạt động thể thao</p> | <p>12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc).</p> | | <p>- Qua đường bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtao.gov.vn.</p> | <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt</p> | <p>thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận</p> | <p>BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---------------------------------|---|--|---|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|---|---|---|
| | | | | | | động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ | đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 68 | 1.003441 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1.Cấp lần đầu:</p> <p>a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục,</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|--|---|--|
| | | | | | | đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ | thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 69 | 1.000983 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ. 2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du |

| | | | | | | | |
|--|--------------------------------|--|--|--|---|--|--|
| | trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc). | | dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n. | điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp: a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ | 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|--|--------------------------------|--|--|--|---|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|---|--|-----------------------|---|--|
| 70 | 1.002022 | <p>Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 2,5 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc.</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>Không quy định</p> | <p>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|----|----------|---|--|---|--|-----------------------|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|--|----------------|--|---|
| 71 | 1.002013 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 2,5 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | Không quy định | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|----|----------|--|--|--|--|----------------|--|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|----------------|---|--|
| 72 | 1.001782 | Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Trong đó:</p> <p>+Thời gian giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao là 2,5 ngày làm việc.</p> <p>+Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh là 2,5 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtao.gov.vn. | Không quy định | <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|----|----------|---|--|--|--|----------------|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|---|--|--|
| 73 | 1.000953 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục</p> | <p>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Luật có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|----|----------|---|---|--|---|---|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|---|---|--|
| | | | | | | <p>kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | |
| 74 | 1.000936 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh | - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ- |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|---|---|---|--|
| | | <p>doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf</p> | <p>12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p> | <p>02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT:</p> | <p>số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf, có hiệu lực</p> | <p>BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|---|--|---|---|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|---|---|---|--|---|
| | | | | | | <p>400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>từ ngày 01 tháng 02 năm 2017.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | |
| 75 | 1.000920 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar | <p>1.Cấp lần đầu:</p> <p>a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công</p> |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--------------------------------|---|--|---|
| | | <p>làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>ia- vungtau.gov.vn.</p> | <p>doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của</p> | <p>bổ thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|--------------------------------|---|--|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|---|---|---|
| | | | | | | | Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 76 | 1.001195 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwon do | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|---|--|---------------------|
| | | | 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). | | <p>hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận</p> | Thể thao và Du lịch |
|--|--|--|---|--|---|--|---------------------|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|---|--|---|
| | | | | | | | đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 77 | 1.000904 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục,</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | | | <p>đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà</p> |
|--|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|---|--|---|
| | | | | | | | Rịa – Vũng Tàu. | |
| 78 | 1.000883 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 03/2018/TT-</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--------------------------------|---|------------------------------|--|---|---|---|
| | | | | | | <p>giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | |
| 79 | 1.000863 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu | Trung tâm Phục vụ hành chính | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|---|----------------------|--|--|---|--|
| | | <p>điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker</p> | <p>hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | <p>công của tỉnh</p> | <p>- Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p> | <p>2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh</p> | <p>bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở</p> | <p>Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|---|----------------------|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|---|---|---|---|
| | | | | | | doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ | vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2018. - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 80 | 1.000847 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng |

| | | | | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|---|--|--|
| | | <p>động thể thao đối với môn Bóng bàn</p> | <p>phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p> | <p>3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao</p> | <p>2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn, có hiệu</p> | <p>12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---|--|--|--|---|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|---|--|--|--|
| | | | | | | nhưng tối đa không quá 2.000.000đ | lực từ ngày 05 tháng 3 năm 2018. - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 81 | 1.000830 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 07 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ. 2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công |

| | | | | | | | | |
|--|--|-----|---|--|------------------------|--|---|--|
| | | bay | làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). | | ia- vungtau.gov.vn. | doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp: a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ | 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2018. - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND | bổ thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|--|--|-----|---|--|------------------------|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|---|---|---|
| | | | | | | | ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 82 | 1.000814 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | <p>cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử</p> | <p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|---|--|---|
| | | | | | | | dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 83 | 1.000644 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|---|
| | | | | | <p> cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ </p> | <p> đôi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2018. - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp </p> |
|--|--|--|--|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|--|--|---|
| | | | | | | | trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 84 | 1.000842 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh,</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|------------------------|---|------------------------|-------------------------------------|--|--|--|
| | | | | | | <p>điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | |
| 85 | 1.005163 | Thủ tục cấp Giấy chứng | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ | Trung tâm Phục vụ hành | Hồ sơ được nộp theo các phương thức | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm | Những nội dung còn lại của TTHC này được |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|---|----------------------------|--|---|--|---|
| | | <p>nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness</p> | <p>hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | <p>chính công của tỉnh</p> | <p>sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>thao:</p> <p>2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung</p> | <p>2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du</p> | <p>thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|---|----------------------------|--|---|--|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|--|---|---|
| | | | | | | <p>danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | |
| 86 | 2.002188 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL |

| | | | | | | | | |
|--|--|---|---|--|---|--|--|--|
| | | <p>hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng</p> | <p>chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p> | <p>thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01</p> | <p>ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với</p> | <p>ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---|---|--|---|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|---|--|--|--|---|
| | | | | | | <p>môn thể thao nhưng tôi đã không quá 2.000.000đ</p> | <p>môn Lân Sư Rồng, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | |
| 87 | 1.000594 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: | <p>1.Cấp lần đầu:</p> <p>a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du</p> |

| | | | | | | | | |
|--|--|--------------------------|--|--|--|--|---|---|
| | | <p>thể thao giải trí</p> | <p>quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | <p>điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí, có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số</p> | <p>lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--------------------------|--|--|--|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 88 | 1.000560 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu: a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|--|
| | | | giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). | | <p>chuyên nghiệp: 01 năm 2017.</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định</p> | năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|--|--|--|--|--|---|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|---|--|---|
| | | | | | | | mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 89 | 1.000544 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|---|
| | | | | | <p>nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 4 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở</p> |
|--|--|--|--|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|--|---|---|
| | | | | | | | thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 90 | 1.001213 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Môn nước trên biển | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | <p>chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>2019.</p> <p>- Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 4 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|---|---|---|--|
| 91 | 1.000518 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|----|----------|--|---|--|---|---|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|---------------------------------------|--|---|---|---|
| | | | | | | <p>kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | |
| 92 | 1.000501 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ | Trung tâm Phục vụ hành chính công của | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số |

| | | | | | | | | |
|--|--|---|--|-------------|--|--|---|--|
| | | <p>kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt</p> | <p>07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | <p>tỉnh</p> | <p>- Qua đường bưu điện;</p> <p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p> | <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt</p> | <p>của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị</p> | <p>3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---|--|-------------|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|---|--|--|---|--|
| | | | | | | <p>động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> <p>và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | | |
| 93 | 1.000485 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ,</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực | <p>1.Cấp lần đầu:</p> <p>a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng</p> |

| | | | | | | | | |
|--|--|----------------------|---|--|--|--|---|--|
| | | <p>với môn Patin</p> | <p>tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>tuyên theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa</p> | <p>2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.</p> | <p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|----------------------|---|--|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|---|---|--|---|
| | | | | | | không quá 2.000.000đ | - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 94 | 1.005357 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar-ia-vungtau.gov.v | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ. 2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|-----------|--|---|--|
| | | <p>hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>n.</p> | <p>chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân</p> | <p>phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|-----------|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 95 | 1.001801 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng súng thể thao | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp: a. Bị mất hoặc hư hỏng:</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du |

| | | | | | | | |
|--|--|--|-----------------------------------|--|--|---|------|
| | | | kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). | | <p>200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận</p> | lich |
|--|--|--|-----------------------------------|--|--|---|------|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|--|---|--|---|
| | | | | | | | đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 96 | 1.001500 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn. | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục,</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | | | <p>đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà</p> |
|--|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|---|--|---|
| | | | | | | | Rịa – Vũng Tàu. | |
| 97 | 1.005162 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | <p>1. Cấp lần đầu:</p> <p>a. Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ</p> <p>b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ.</p> <p>2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh</p> | <p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 29/2018/TT-</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--------------------------------|---|------------------------------|--|---|--|---|
| | | | | | | <p>giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2018.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> | |
| 98 | 1.001517 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu | Trung tâm Phục vụ hành chính | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo |

| | | | | | | | | |
|--|--|---|---|----------------------|--|---|--|--|
| | | <p>điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao</p> | <p>hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | <p>công của tỉnh</p> | <p>- Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn.</p> | <p>2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ. 2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp: a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ c. Bổ sung danh mục kinh</p> | <p>bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở</p> | <p>Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---|---|----------------------|--|---|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|---|---|---|
| | | | | | | doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ | vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2018. - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 99 | 1.001527 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 |

| | | | | | | | | |
|--|--|---------------------------------|---|--|---|---|---|--|
| | | <p>thao đổi với môn Bóng rổ</p> | <p>phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | <p>đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.bar ia- vungtau.gov.v n.</p> | <p>3.000.000đ. 2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp: a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao</p> | <p>ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng</p> | <p>của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---------------------------------|---|--|---|---|---|--|

| | | | | | | | | |
|---------|----------|--|---|--|---|---|--|--|
| | | | | | | nhưng tối đa không quá 2.000.000đ | 12 năm 2018. - Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | |
| 10 0 | 1.001056 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút; chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), trừ ngày lễ, tết. - Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ | Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria- | 1.Cấp lần đầu: a.Kinh doanh 01 môn thể thao: 2.000.000đ b. Kinh doanh 02 môn thể thao trở lên: 3.000.000đ. 2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|-----------------|--|--|---|
| | | | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). | | vungtau.gov.vn. | <p>động thể thao, CLB thể thao chuyên nghiệp:</p> <p>a. Bị mất hoặc hư hỏng: 200.000đ</p> <p>b. Thay đổi các nội dung: Tên cơ sở kinh doanh, người đại diện, địa chỉ trụ sở chính, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh giảm danh mục kinh doanh hoạt động thể thao: 300.000đ</p> <p>c. Bổ sung danh mục kinh doanh hoạt động TDTT: 400.000đ/ 01 môn thể thao nhưng tối đa không quá 2.000.000đ</p> | <p>lực từ ngày 01/01/2017</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14/6/2019.</p> <p>- Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.</p> <p>- Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định mức thu, quản lý và sử</p> | <p>chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|--|-----------------|--|--|---|

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | | | | | dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. | |
|--|--|--|--|--|--|--|---|--|